

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN XÂY DỰNG CONDOLAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN XÂY DỰNG CONDOLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONDOLAND CORP

Tên công ty viết tắt: CONDOLAND INVESTMENT REAL ESTATE CONSTRUCTION CORPORATION

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108007378

**3. Ngày thành lập:** 02/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 16, Tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466553568

Fax:

Email: [condoland.vietnam@gmail.com](mailto:condoland.vietnam@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314     |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320     |
| 7.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100     |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý<br>- Môi giới                                                                                                        | 4610     |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690     |
| 11. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 13. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312     |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649     |
| 15. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669 |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 19. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9524 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659 |
| 21. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4753 |
| 22. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6810 |
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310 |
| 24. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3100 |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4210 |
| 26. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4220 |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4290 |
| 28. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311 |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312 |
| 30. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư;<br>- Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát hiện trạng công trình;<br>- Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp;<br>- Tư vấn thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở;<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy . | 7110 |

|     |                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 31. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản<br>- Quản lý bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản<br>- Tư vấn bất động sản | 6820(Chính) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|

**6. Vốn điều lệ:** 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN TRUNG TRƯỜNG | Thôn Tráng Liệt, Xã Thanh Sơn, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 125.000    | 1.250.000.000         | 5,000     | 142891198                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 125.000    | 1.250.000.000         | 5,000     |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG VĂN THU     | Thôn 4, Xã Trục Đạo, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 1.125.000  | 11.250.000.000        | 45,000    | 163069923                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 1.125.000  | 11.250.000.000        | 45,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN TRUNG ĐỨC  | Xóm 3, Xã Nhân Khang, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 1.250.000  | 12.500.000.000        | 50,000    | B9548109                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 1.250.000  | 12.500.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 02/10/2017 đến ngày 01/11/2017

\* Họ và tên: TRẦN TRUNG TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/12/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142891198

Ngày cấp: 23/07/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tráng Liệt, Xã Thanh Sơn, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 24, khu đất dịch vụ 02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội